

**THỰC TRẠNG SỬ DỤNG NHÀ TIÊU Ở NGƯỜI DÂN TỘC THÁI  
TẠI XÃ MUỐI NỘI, HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

*Nguyễn Thị Quỳnh Hoa\**, *Lò Văn Tân*, *Trương Việt Trường*,  
*Trương Nguyễn Quỳnh Giao*, *Nguyễn Thị Phương Lan*

*Trường Đại học Y – Dược Thái Nguyên*

*\*Email: ntqhoa375ydt@gmail.com*

*Ngày nhận bài: 24/5/2024*

*Ngày phản biện: 27/7/2024*

*Ngày duyệt đăng: 10/8/2024*

**TÓM TẮT**

**Đặt vấn đề:** Muối Nội là một xã vùng II nằm ở phía tây nam huyện Thuận Châu, cách trung tâm huyện 24km, cách trung tâm thành phố Sơn La 19km, trình độ dân trí thấp, kinh tế phát triển chậm. Tại xã bao gồm 4 dân tộc Kinh, Thái, Mông, La Ha cùng sinh sống, trong đó dân tộc Thái chiếm tỉ lệ 81,5%, điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, điều đó ảnh hưởng trực tiếp tới hành vi sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh của người dân. **Mục tiêu nghiên cứu:** Mô tả thực trạng sử dụng nhà tiêu tại các hộ gia đình tại xã Muối Nội, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La năm 2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 300 hộ gia đình và nhà tiêu của hộ gia đình đang sinh sống tại Xã Muối Nội, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. **Kết quả:** Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu là 97,0%, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng các loại nhà tiêu: hai ngăn 21,0%, chím có ống thông hơi 19,0%, thắm dội nước 14,0%, tự hoại 34,0%, đào 9,0%; Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu không hợp vệ sinh 50,7%; Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hai ngăn hợp vệ sinh 30,2%, nhà tiêu chím có ống thông hơi hợp vệ sinh 14,0%, nhà tiêu thắm dội nước hợp vệ sinh 28,6%, nhà tiêu tự hoại hợp vệ sinh 98,0%. **Kết luận:** Qua nghiên cứu này, khuyến nghị chính quyền địa phương cần quan tâm tạo điều kiện cho người dân vay vốn, hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách trong xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh. Đối với ngành y tế nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, tăng cường hoạt động thực địa, nắm bắt kịp thời thực trạng về vệ sinh môi trường, khó khăn gặp phải của y tế tuyến cơ sở có các giải pháp hỗ trợ kịp thời.

**Từ khóa:** Nhà tiêu, Hợp vệ sinh, Xã Muối Nội, dân tộc Thái.

**ABSTRACT**

**THE CURRENT SITUATION OF TOILET USAGE AMONG  
THE THAI ETHNIC MINORITY IN MUOI NOI COMMUNE,  
THUAN CHAU DISTRICT, SON LA PROVINCE**

*Nguyen Thi Quynh Hoa\**, *Lo Van Tan*, *Truong Viet Truong*,  
*Truong Nguyen Quynh Giao*, *Nguyen Thi Phuong Lan*  
*Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy*

**Background:** Muoi Noi is a zone II commune located southwest of Thuan Chau district, 24km from the district center, and 19km from Son La city center, with a low educational level and slow economic development. In the commune, where 4 ethnic groups Kinh, Thai, Mong, and La Ha live together, of which the Thai ethnic group accounts for 81.5%, socio-economic conditions are still difficult, which directly affects the commune to people's house hygiene standards. **Objective:** To describe the current status of toilet facilities in Muoi Noi commune, Thuan Chau district, Son La province in 2023. **Materials and methods:** A descriptive cross-sectional study on 300 household heads and toilet facilities in Muoi Noi Commune, Thuan Chau District, Son La Province. **Results:** 97,0% of households had toilets. The distribution of toilet types was as follows: double-pit 21.0%, ventilated

improved pit 19.0%, pour flush 14.0%, self-constructed 34.0%, and dug 9.0%. However, 50.7% of households were found to use unsanitary toilet facilities. The proportions of households using hygienic toilet facilities were: double-pit 30.2%, ventilated improved pit 14.0%, pour flush 28.6%, and self-constructed 98.0%. **Conclusion:** The results of this research recommended the local authorities focus on providing financial assistance and support for building hygienic toilets for poor, near-poor, and policy beneficiary households. Additionally, they suggest improving the quality of health education, enhancing on-ground activities, and timely addressing environmental sanitation issues and healthcare challenges at the grassroots level with appropriate support measures.

**Keywords:** Toilet facilities, Hygienic sanitation, Muoi Noi Commune, Thai nation.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Muối Nọi là một xã vùng II nằm ở phía tây nam huyện Thuận Châu, cách trung tâm huyện 24km, cách trung tâm thành phố Sơn La 19km, trình độ dân trí thấp, kinh tế phát triển chậm. Tại xã bao gồm 4 dân tộc Kinh, Thái, Mông, La Ha cùng sinh sống, trong đó dân tộc Thái chiếm tỉ lệ 81,5%, điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, điều đó ảnh hưởng trực tiếp tới hành vi sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh của người dân. Theo thống kê của Bộ Y tế cho thấy, 10/28 bệnh truyền nhiễm gây dịch được giám sát có tỉ lệ mắc trên 100.000 dân cao nhất theo thứ tự là cúm, tiêu chảy, sốt xuất huyết, ly trực khuẩn, quai bị, ly amíp, viêm gan, thủy đậu, rubella,..có liên quan tới nước sạch, vệ sinh môi trường và vệ sinh cá nhân [1], [2].

Với mong muốn tìm hiểu điểm giống và khác nhau trên thực tế so với cộng đồng người Thái ở những nơi khác trong việc sử dụng nhà tiêu của người dân tộc Thái nói chung. Nghiên cứu “Thực trạng sử dụng nhà tiêu ở người dân tộc Thái tại xã Muối Nọi, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La” được thực hiện với mục tiêu: Mô tả thực trạng sử dụng nhà tiêu tại các hộ gia đình tại xã Muối Nọi, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La năm 2023.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Thành viên hộ gia đình (HGD) và nhà tiêu của HGD đang sinh sống tại Xã Muối Nọi, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Phương pháp nghiên cứu mô tả, thiết kế cắt ngang.

- **Cỡ mẫu:**

Sử dụng công thức tính cỡ mẫu ước tính 1 tỉ lệ của quần thể:

$$n = Z^2(1-\alpha/2) \times p(1-p) / d^2$$

Từ công thức tính được cỡ mẫu tối thiểu là 299 hộ gia đình. Chọn 300 hộ gia đình của xã Muối Nọi, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La

- **Phương pháp chọn mẫu:**

+ Chọn chủ đích xã Muối Nọi

+ Chọn HGD: Chọn mẫu theo phương pháp mẫu ngẫu nhiên hệ thống.

+ Lập danh sách hộ gia đình, tính khoảng cách  $K = 900/300 = 3$  (hộ đầu tiên chọn mẫu ngẫu nhiên đơn, sau đó cứ cách 3 nhà lấy 1 nhà)

- **Phương pháp thu thập số liệu**

+ Phỏng vấn: Phỏng vấn trực tiếp HGD theo mẫu phiếu điều tra (phụ lục 1).

+ Quan sát: Điều tra viên quan sát đánh giá nhà tiêu tại các hộ gia đình dựa vào bảng kiểm theo “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nhà tiêu - điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh” quy định tại thông tư số 27/2011/TT- BYT ban hành ngày 24/06/2011 của Bộ Y tế (phụ lục 2).

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Xử lý số liệu trên phần mềm SPSS 26.0, tính tỉ lệ phần trăm.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Đề tài nghiên cứu vì mục đích phục vụ sức khỏe cộng đồng, không vì lợi ích kinh tế, thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định về y đức của ngành Y tế. Đề tài được sự thông qua hội đồng khoa học, đào tạo khoa Y tế công cộng, trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên. Đồng thời đề tài được thông qua bởi chính quyền địa phương.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

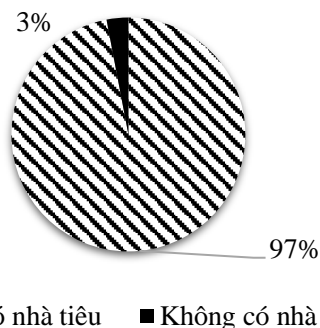
#### 3.1. Đặc điểm chung của địa điểm nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu là chủ HGĐ dân tộc Thái tại xã Muối Nội huyện Thuận Châu

Thông tin chung về đối tượng		Số lượng	Tỉ lệ %
Tuổi	≤ 25	37	12,3
	26-59	240	80
	≥ 60	23	7,7
Giới	Nam	228	76,0
	Nữ	72	24,0
Trình độ học vấn	Mù chữ	49	16,3
	Biết đọc, biết viết	65	21,7
	Tiểu học	61	20,3
	THCS	60	20,0
	THPT	45	15,0
	TC, CĐ, ĐH	20	6,7

Nhận xét: Đối tượng nghiên cứu chủ yếu trong độ tuổi 26- 59 là 80,0%, trong đó tỷ lệ chủ hộ là nam giới chiếm đa số 76,0%. Trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu nhìn chung còn rất thấp. Chủ yếu người dân chỉ biết đọc biết viết 21,7%.

#### 3.2. Thực trạng về sử dụng nhà tiêu của người dân tộc Thái xã Muối Nội huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La



Biểu đồ 1. Tỷ lệ các HGĐ người Thái có nhà tiêu tại xã Muối Nội huyện Thuận Châu

Nhận xét: Qua biểu đồ 1 cho thấy tỷ lệ HGĐ có nhà tiêu là 97,7%, tỷ lệ HGĐ không có nhà tiêu là 3,0%.

Bảng 2. Tỷ lệ các loại nhà tiêu HGD đang được sử dụng tại xã Muối Nổi huyện Thuận Châu

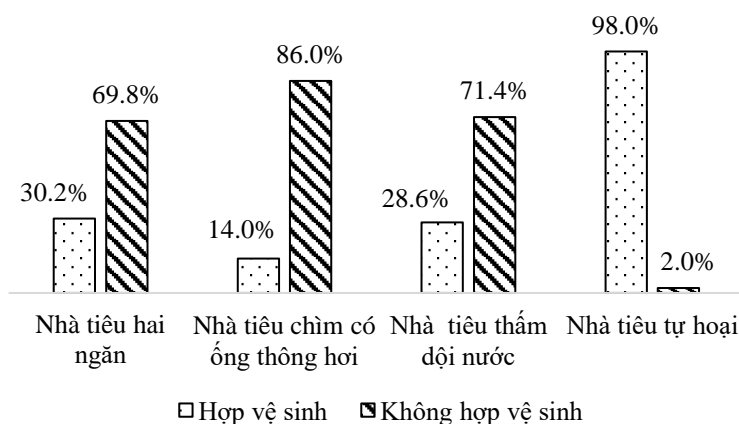
Loại nhà tiêu	Số lượng	Tỷ lệ %
Nhà tiêu đào	27	9,0
Hai ngăn	63	21,0
Nhà tiêu chìm có ống thông hơi (Khô chìm)	57	19,0
Thấm dội nước	42	14,0
Tự hoại	102	34,0
Không có nhà tiêu	9	3,0
Tổng	300	100

Nhận xét: Tỷ lệ HGD có nhà tiêu tự hoại là nhiều nhất 34,0%. Tuy nhiên nhà tiêu đào không thuộc một trong bốn loại nhà tiêu hợp vệ sinh Bộ Y tế quy định, tỷ lệ nhà tiêu đào chiếm 9,0%, vẫn còn HGD không có nhà tiêu 3,0%.

Bảng 3. Đánh giá việc sử dụng nhà tiêu của các hộ gia đình Thái tại xã Muối Nổi huyện Thuận Châu

Nhà tiêu	Số lượng	Tỷ lệ %
Không có nhà tiêu	9	3,0
Không hợp vệ sinh	152	50,7
Hợp vệ sinh	139	46,3
Tổng	300	100

Nhận xét: Trong số các hộ gia đình có nhà tiêu thì số hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt thấp 46,3%, tỷ lệ nhà tiêu không hợp vệ sinh là 50,7%.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ loại nhà tiêu đang sử dụng tại xã Muối Nổi huyện Thuận Châu

Nhận xét: Trong tất cả các loại nhà tiêu trên, nhà tiêu tự hoại có tỉ lệ HVS cao nhất 98,0%. Nhà tiêu hai ngăn là nhà tiêu có tỷ lệ không hợp vệ sinh cao nhất, với tỉ lệ 30,2.

Bảng 4. Tỷ lệ HGD sử dụng nhà tiêu theo tiêu chí sử dụng và bảo quản được đánh giá bằng bảng kiểm quan sát đối với nhà tiêu (khô) đại diện là nhà tiêu hai ngăn tại xã Muối Nổi huyện Thuận Châu

TT	Các tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
Tiêu chí chính vệ sinh trong xây dựng			
1	Không xây dựng ở nơi thường bị ngập, úng	57	90,5
2	Cách nguồn nước ăn uống, sinh hoạt từ 10m trở lên	55	87,3

TT	Các tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
3	Không để nước mưa tràn vào bể chứa phân	56	88,9
4	Tường và đáy ngăn chứa phân kín, không bị rạn nứt, rò rỉ	54	85,7
5	Cửa lấy mùn phân luôn được trát kín	48	76,2
6	Mặt sàn nhà tiêu và rãnh thu dẫn nước tiểu nhẵn, không đọng nước, không trơn trượt, không bị nứt, vỡ, sụt lún; nước tiểu được dẫn ra dụng cụ chứa, không chảy vào bể chứa phân	43	68,3
7	Có nắp đậy kín các lỗ tiêu	28	44,4
8	Có mái lợp ngăn được nước mưa, cửa và xung quanh nhà tiêu được che chắn kín đáo, bảo đảm mỹ quan	46	73,0
9	Ông thông hơi có đường kính trong ít nhất 90mm, cao hơn mái nhà tiêu ít nhất 400mm và có lưới chắn côn trùng, chụp chắn nước mưa	42	66,7
<b>Tiêu chí phụ vệ sinh trong sử dụng và bảo quản</b>			
1	Sàn nhà tiêu khô, sạch	36	57,1
2	Không có mùi hôi, thối; không có ruồi, nhặng, gián trong nhà tiêu	29	46,0
3	Không để vật nuôi đào bới phân trong nhà tiêu	44	69,8
4	Không có bọ gậy trong dụng cụ chứa nước và dụng cụ chứa nước tiểu	37	58,7
5	Bãi phân phải được phủ kín chất độn sau mỗi lần đi tiêu	32	50,8
6	Giấy vệ sinh sau khi sử dụng bỏ vào lỗ tiêu (nếu là giấy tự tiêu) hoặc bỏ vào dụng cụ chứa giấy bản có nắp đậy	41	65,1
7	Đối với nhà tiêu khô nổi có từ hai ngăn trở lên: Lỗ tiêu ngăn đang sử dụng luôn được đậy kín, các ngăn ủ được trát kín	42	66,7

Nhận xét: Trong số 9 tiêu chí chính về nhà tiêu hai ngăn theo quy định của Bộ Y tế đạt tỷ lệ rất thấp chỉ có tiêu chí Nhà tiêu không xây dựng ở nơi thường bị ngập, ứng đạt cao là 90,5%. Tuy nhiên các tiêu chí vô cùng quan trọng mức độ gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe cá nhân và môi trường đó là: “Xây dựng cách nguồn nước ăn uống, sinh hoạt từ 10m trở lên” chỉ đạt 87,3%, “Cửa lấy mùn phân luôn được trát kín” đạt 76,2%, đặc biệt tiêu chí “Phải có nắp đậy kín các lỗ tiêu” chỉ đạt 44,4%. Trong số 7 tiêu chí phụ về sử dụng, bảo quản nhà tiêu hai ngăn theo quy định của Bộ Y tế, tiêu chí không có mùi hôi, thối; không có ruồi, nhặng, gián trong nhà tiêu đạt tỉ lệ thấp nhất (46,0%).

#### IV. BÀN LUẬN

##### 4.1. Đặc điểm chung của địa điểm nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu

Trình độ của đối tượng nghiên cứu tại xã là rất thấp có ảnh hưởng lớn về mặt nhận thức, tiếp thu các nội dung về xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh và những bệnh tật gây ra do không sử dụng nhà tiêu, đặc biệt trong thay đổi lối sống với người dân khi có kiến thức.

##### 4.2. Thực trạng về sử dụng nhà tiêu của người dân tộc Thái xã Muối Nọi huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La

###### Thực trạng hộ gia đình có và không có nhà tiêu

Tỷ lệ nhà tiêu HVS nhìn chung vẫn còn thấp (46,3%), bởi vì đây là khu vực nông thôn, người DTTS ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên, tỷ lệ này cao hơn so với tỷ lệ nhà tiêu HVS của người dân tộc Dao ở xã Hùng Đức huyện Hàm Yên tỉnh Tuyên

Quang (16,5%) [3]. Theo kết quả nghiên cứu của tôi cho thấy tỷ lệ HGĐ có nhà tiêu ở xã nghiên cứu là 97,0%. Tỷ lệ này cao hơn khi so sánh với kết quả nghiên cứu của Hoàng Thị Thu Hà tại tỉnh Thái Nguyên (91%), tác giả Lê Văn Thái trên đối tượng người dân tộc Mông tại huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên (63,7%) [4]. Tuy nhiên vẫn còn 3,0% tỷ lệ hộ gia đình vẫn chưa có nhà tiêu.

#### **Thực trạng các loại nhà tiêu đang sử dụng**

Việc hộ gia đình có nhà tiêu là điều rất tốt, nhưng khi đã xây dựng được nhà tiêu của gia đình mình rồi thì vấn đề là sử dụng làm sao cho nhà tiêu luôn sạch sẽ, đạt tiêu chuẩn là nhà tiêu hợp vệ sinh cần đặc biệt quan tâm thường xuyên.

### **V. KẾT LUẬN**

Qua nghiên cứu thực trạng sử dụng nhà tiêu tại các hộ gia đình tại xã Muối Nọi, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La năm 2023 cho thấy tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu là 97%. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng các loại nhà tiêu: hai ngăn 21,0%, chìm có ống thông hơi 19,0%, thấm dội nước 14%, tự hoại 34,0%, đào 9,0%. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu không hợp vệ sinh là 50,7%. Tỷ lệ HGĐ sử dụng nhà tiêu hai ngăn HVS 30,2%, nhà tiêu chìm có ống thông hơi HVS 14,0%, nhà tiêu thấm dội nước HVS 28,6%, nhà tiêu tự hoại HVS 98,0%.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Y tế - Tổng Cục thống kê, Báo cáo chuyên đề, mức độ bao phủ của các chương trình y tế công cộng - Điều tra y tế quốc gia 2001 - 2002. NXB Y học, Hà Nội 2004, 2004. 50-52.
  2. Trần Quỳnh Anh, Hoàng Thị Thu Hà, Đặng Ngọc Lan. Tình hình sử dụng nhà tiêu và thực hành rửa tay của người dân ở 3 xã vùng Tây Bắc năm 2010. *Tạp chí Nghiên cứu Y học*. 2010. 165 (Số 1/2011).
  3. Lê Thị Huế. Thực trạng sử dụng nhà tiêu ở HGĐ người Dao tại xã Hùng Đức huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. năm 2021.
  4. Trần Phúc Quỳnh. Thực trạng sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh của hộ gia đình và các yếu tố liên quan tại huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình, năm 2015, Luận văn thạc sỹ y học, Trường Đại học Y tế Công cộng. 2015.
-